

CÂU HỎI ÔN TẬP
MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH
(HỌC PHẦN 1)

BÀI 1:
ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Câu 1: Đối tượng nghiên cứu của học phần I môn GDQP&AN là gì?

- A. Nghiên cứu về Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Nghiên cứu về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- C. Nghiên cứu về Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Nghiên cứu về Đường lối chiến lược quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 2: Về mặt thời gian tham gia học tập trên lớp sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi:

- A. Có đủ 75% thời gian học tập trên lớp
- B. Có đủ 90% thời gian học tập trên lớp
- C. Có đủ 70% thời gian học tập trên lớp
- D. Có đủ 80% thời gian học tập trên lớp

Câu 3: Đối tượng nghiên cứu của học phần II môn GDQP&AN là gì?

- A. Nghiên cứu về Công tác xây dựng khu vực phòng thủ
- B. Nghiên cứu về Công tác quốc phòng, an ninh
- C. Nghiên cứu về Công tác xây dựng nền quốc phòng, an ninh
- D. Nghiên cứu về Công tác xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân

Câu 4: Đối tượng nghiên cứu của học phần III môn GDQP&AN là gì?

- A. Nghiên cứu về Các môn kỹ thuật, chiến thuật quốc phòng, an ninh
- B. Nghiên cứu về Chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu và đội ngũ đơn vị
- C. Nghiên cứu về Quân sự chung
- D. Nghiên cứu về Các môn chung về quân sự, an ninh và bắn súng tiểu liên AK

Câu 5: Chứng chỉ QP-AN là một trong những điều kiện để:

- A. Tính điểm trung bình các môn học
- B. Xét tốt nghiệp cao đẳng, đại học
- C. Xét học bổng
- D. Xếp loại học lực của sinh viên

Câu 6: Một trong những phương pháp được sử dụng để nghiên cứu giáo dục quốc phòng, an ninh:

- A. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết
- B. Phương pháp nghiên cứu tổng hợp
- C. Phương pháp nghiên cứu thực tế
- D. Phương pháp nghiên cứu giả thuyết

Câu 7: Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu giáo dục quốc phòng, an ninh là:

- A. Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng.
- B. Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh.
- C. Triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- D. Học thuyết Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 8: Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng quốc phòng, an ninh cần sử dụng kết hợp phương pháp dạy học nào?

- A. Lý luận và thực tiễn.
- B. Kỹ thuật và chiến thuật.
- C. Lý thuyết và thực hành.
- D. Học tập và rèn luyện.

Câu 9: Cơ sở lý luận quan trọng nhất để Đảng ta đề ra đường lối quốc phòng và an ninh là học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh:

- A. Về cách mạng giải phóng dân tộc
- B. Về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc
- C. Về giai cấp và đấu tranh giai cấp
- D. Về đấu tranh giành chính quyền

Câu 10: Theo thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh gồm:

- A. 3 học phần, thời lượng 135 tiết.
- B. 4 học phần, thời lượng 165 tiết.
- C. 4 học phần, thời lượng 135 tiết.
- D. 3 học phần, thời lượng 165 tiết.

BÀI 2:

QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Câu 1: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chiến tranh là:

- A. Một hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử.
- B. Những cuộc xung đột tự phát ngẫu nhiên.
- C. Một hiện tượng xã hội mang tính vĩnh viễn.
- D. Những xung đột do mâu thuẫn không mang tính xã hội.

Câu 2. Một trong những biểu hiện tính lịch sử của chiến tranh là:

- A. Chiến tranh tồn tại vĩnh viễn cùng với lịch sử loài người.
- B. Chiến tranh chỉ tồn tại trong những giai đoạn lịch sử nhất định của loài người.
- C. Chiến tranh do các vị thần trong lịch sử tạo nên.
- D. Chiến tranh là một hiện tượng diễn ra từ khi loài người xuất hiện trên trái đất.

Câu 3: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, nguồn gốc của chiến tranh là:

- A. Bắt nguồn ngay từ khi xuất hiện loài người, xuất hiện chế độ tư hữu.
- B. Bắt nguồn từ khi xuất hiện chế độ tư hữu, có giai cấp và nhà nước.
- C. Bắt nguồn từ sự phát triển tất yếu khách quan của xã hội loài người.

D. Bắt nguồn từ khi xuất hiện các hình thức tôn giáo.

Câu 4. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin thì trong những hình thái kinh tế xã hội sau đây, hình thái kinh tế xã hội nào không có chiến tranh?

A. Chiếm hữu nô lệ

B. Phong kiến

C. Tư bản

D. Cộng sản chủ nghĩa

Câu 5. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin tại sao trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa thì không còn chiến tranh?

A. Vì loài người đã chán ghét chiến tranh

B. Vì khi đó không còn chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước

C. Vì một nước nào đó lớn mạnh, đã thôn tính các nước còn lại trên thế giới

D. Vì khi đó các nước, các giai cấp đều phát triển, có sức mạnh ngang nhau

Câu 6: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì bản chất của chiến tranh là:

A. Sự tiếp tục mục tiêu kinh tế bằng thủ đoạn bạo lực

B. Thủ đoạn để đạt được chính trị của một nhóm người

C. Sự tiếp tục của chính trị bằng bạo lực

D. Thủ đoạn chính trị của một giai cấp

Câu 7. Chọn phương án sai theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin?

A. Chính trị là vấn đề quyền lực, biểu hiện ở quyền lực nhà nước, giai cấp hoặc lực lượng xã hội nào nắm quyền lực ấy để thực hiện lợi ích và quyền lực của mình trong xã hội.

B. Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, lợi ích kinh tế chính là nguyên nhân xã hội của những hành động chính trị.

C. Biện pháp cuối cùng để giải quyết vấn đề chính trị chính là tiến hành chiến tranh.

D. Chiến tranh và chính trị là hai hoạt động khác nhau, giữa chúng không có mối liên hệ với nhau, tồn tại biệt lập trong xã hội loài người

Câu 8: Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định thái độ của chúng ta đối với chiến tranh là:

A. Phản đối tất cả các cuộc chiến tranh

B. Ủng hộ các cuộc chiến tranh chính nghĩa chống áp bức, nô dịch

C. Phản đối các cuộc chiến tranh phản cách mạng

D. Ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Câu 9: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ giữa chiến tranh với chính trị như thế nào?

A. Chính trị là con đường, là phương tiện của chiến tranh

B. Chính trị là một thời đoạn, một bộ phận của chiến tranh

C. Chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục của chiến tranh

D. Chính trị không thể sử dụng kết quả sau chiến tranh để ra nhiệm vụ, mục tiêu mới cho giai cấp

Câu 10: Hồ Chí Minh xác định tính chất xã hội của chiến tranh như thế nào?

- A. Chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa
- B. Chiến tranh thực dân và chiến tranh đế quốc
- C. Chiến tranh hiện đại và chiến tranh truyền thống
- D. Chiến tranh trong tự nhiên và chiến tranh trong xã hội

Câu 11: Hồ Chí Minh đã chỉ rõ cuộc chiến tranh của dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là nhằm mục đích gì?

- A. Bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ tổ quốc, tiêu diệt hết quân xâm lược.
- B. Bảo vệ lãnh thổ đất nước và đánh đuổi quân xâm lược
- C. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, và nền kinh tế đất nước
- D. Bảo vệ độc lập, chủ quyền và thống nhất đất nước

Câu 12: Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định phải dùng bạo lực cách mạng để giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền?

- A. Vì chế độ thực dân, đế quốc tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực.
- B. Vì bạo lực cách mạng mang đến thắng lợi nhanh chóng mà ít phải hi sinh xương máu, tổn kém vật chất.
- C. Vì bạo lực cách mạng có thể tiêu diệt toàn bộ quân xâm lược
- D. Vì ta có sẵn lực lượng, vũ khí để tiến hành bạo lực cách mạng

Câu 13. “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc” (Hồ Chí Minh). Câu nói trên thể hiện tính chất gì của chiến tranh bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta?

- A. Tính tự chủ
- B. Tính toàn diện
- C. Tính toàn dân
- D. Tính lâu dài

14. Muốn đánh giặc thắng lợi, theo Hồ Chí Minh thì phải:

- A. Dùng sức mạnh của nhân dân tiến bộ trên thế giới giúp đỡ nhân dân ta là chủ yếu.
- B. Dùng sức mạnh của hai giai cấp công nhân và nông dân, dựa vào lực lượng nông cốt là quân đội.
- C. Dùng sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân và sự giúp đỡ của nhân loại tiến bộ trên thế giới.
- D. Dùng sức mạnh của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Câu 15: Nguồn gốc ra đời của quân đội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin?

- A. Từ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội.
- B. Từ bản chất bóc lột của giai cấp tư sản và sự xuất hiện giai cấp đối kháng.
- C. Từ bản chất hiếu chiến, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.
- D. Do nhà nước tổ chức ra quân đội.

Câu 16: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin thì quân đội mang bản chất của giai cấp nào?

A. Mang bản chất của giai cấp đã rèn luyện, đào tạo, nuôi dưỡng sử dụng quân đội đó.

B. Mang bản chất của nhân dân lao động, của các tầng lớp giai cấp trong xã hội.

C. Mang bản chất của giai cấp, của nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội đó.

D. Mang bản chất của giai cấp sử dụng quân đội.

Câu 17: Chọn quan điểm sai

A. Bản chất của quân đội không phải là bất biến.

C. Bản chất quân đội được tăng cường hoặc phai nhạt phụ thuộc vào mối liên hệ giữa quân đội và giai cấp, nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng, sử dụng chúng.

C. Trong tương lai, bản chất giai cấp của quân đội sẽ mất đi, quân đội sẽ là công cụ bạo lực của toàn xã hội.

D. Quân đội không đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực để thực hiện mục đích chính trị của giai cấp, nhà nước.

Câu 18: “Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào... của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”. Chọn đáp án đúng để điền vào dấu “...” ở câu trên:

A. Sức khỏe

B. Tinh thần

C. Số lượng

D. Vũ khí

Câu 19: Nguyên tắc quan trọng nhất về xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin là gì?

A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với quân đội.

B. Giữ vững quan điểm giai cấp trong xây dựng quân đội.

C. Tính kỷ luật cao là yếu tố quyết định sức mạnh quân đội

D. Quân đội chính quy, hiện đại, trung thành với giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Câu 20: Một trong những nguyên tắc cơ bản xây dựng Hồng quân của Lênin là gì?

A. Xây dựng quân đội có kỷ luật, có tính chiến đấu cao, số lượng đông đảo.

B. Đoàn kết thống nhất giữa quân đội và nhân dân.

C. Xây dựng quân đội hiện đại.

D. Xây dựng quân đội hùng mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Câu 21: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định sự ra đời của quân đội ta là thế nào?

A. Là một tất yếu có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam.

B. Là một hiện tượng ngẫu nhiên trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.

C. Là một sự kế thừa trong lịch sử chống giặc ngoại xâm.

D. Là một hiện tượng tự phát do đòi hỏi của chiến tranh cách mạng.

Câu 22: Bản chất giai cấp của quân đội nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- A. Mang bản chất nông dân.
- B. Mang bản chất giai cấp công – nông do Đảng lãnh đạo.
- C. Mang bản chất giai cấp công nhân.
- D. Mang bản chất nhân dân lao động Việt Nam.

Câu 23: Quân đội ta mang bản chất giai cấp công nhân đồng thời có tính gì?

- A. Tính quần chúng sâu sắc
- B. Tính phong phú đa dạng
- C. Tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc
- D. Tính phổ biến, rộng rãi

Câu 24: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quân đội nhân dân Việt Nam có những chức năng gì?

- A. Chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu
- B. Chiến đấu, lao động sản xuất, tuyên truyền
- C. Chiến đấu, công tác, lao động sản xuất
- D. Chiến đấu và tham gia giữ gìn hòa bình khu vực

Câu 25: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chức năng nào của Quân đội nhân dân Việt Nam thể hiện sự gắn bó giữa quân đội và nhân dân?

- A. Là đội quân lao động sản xuất, phát triển đất nước
- B. Là đội quân công tác
- C. Là đội quân chiến đấu bảo vệ đất nước
- D. Là đội quân bảo vệ chính quyền vô sản của giai cấp công nông

Câu 26: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định hai nhiệm vụ chính của quân đội nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Tiến hành phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho nhân dân.
- B. Giúp nhân dân xây dựng phát triển kinh tế góp phần cải thiện đời sống.
- C. Chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng CNXH.
- D. Làm nòng cốt phát triển kinh tế tại nơi đóng quân.

Câu 27: Theo quan điểm CN Mác - Lênin để bảo vệ tổ quốc Xã hội chủ nghĩa phải làm gì?

- A. Tăng cường quân thường trực gắn với phát triển kinh tế xã hội
- B. tăng cường thể trận gắn với thực hiện chính sách đãi ngộ
- C. Tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội
- D. Tăng cường tiềm lực an ninh gắn với hợp tác quốc tế

Câu 28: Một trong những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN?

- A. Quân chúng nhân dân giữ lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc XHCN

B. Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ tổ quốc XHCN

C. Lực lượng vũ trang lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ tổ quốc XHCN

D. Nhà nước lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc XHCN

Câu 29: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Độc lập dân tộc và thống nhất đất nước

B. Độc lập dân tộc và xây dựng đất nước

C. Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội

D. Độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 30: Trong quan điểm của mình Hồ Chí Minh xác định bảo vệ Tổ quốc là:

A. Nghĩa vụ và trách nhiệm cao cả của công dân

B. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

C. Nghĩa vụ của mọi công dân

D. Trách nhiệm và quyền lợi của mọi công dân

BÀI 3:

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

Câu 1: Quốc phòng là công cuộc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể các hoạt động của nhà nước và của nhân dân nhằm tạo ra sức mạnh toàn diện, cân đối trong đó sức mạnh:

A. quân sự là đặc trưng

B. kinh tế là đặc trưng

C. văn hóa là đặc trưng

D. chính trị là đặc trưng

Câu 2: Nền quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng mang tính chất:

A. chính quy, hiện đại

B. toàn dân, toàn diện

C. tự cung, tự cấp

D. chính trị trực tiếp

Câu 3: Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thì nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có vị trí như thế nào trong sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN?

A. Quan trọng

B. Chiến lược

C. Hàng đầu

D. Trọng tâm

Câu 4: Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là gì?

A. Xây dựng phát triển kinh tế và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

B. Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa.

C. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

D. Bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 5: Trong các nội dung sau, nội dung nào là đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân?

A. Là nền quốc phòng, an ninh bảo vệ quyền và lợi ích của giai cấp công nhân.

B. Là nền quốc phòng, an ninh do lực lượng quân đội nhân dân, an ninh nhân dân tiến hành.

C. Là nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do nhân dân tiến hành.

D. Là nền quốc phòng do nhân dân xây dựng, mang tính nhân dân sâu sắc.

Câu 6: Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thì sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ở Việt Nam là gì?

A. Sức mạnh do các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học.

B. Sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành.

C. Sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong nước.

D. Sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, trong đó sức mạnh thời đại là chủ yếu

Câu 7: Trong các nội dung sau đây, đâu là nội dung xây dựng thể trận phòng thủ của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân?

A. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với chủ động tiến công tiêu diệt địch.

B. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp với hệ thống điểm tựa vững chắc.

C. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.

D. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với các biện pháp phòng chống địch tiến công.

Câu 8: Quá trình hiện đại hóa nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân phải gắn liền với:

A. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

B. Tiềm lực khoa học công nghệ của nước ta

C. Hiện đại hóa nền kinh tế nước nhà

D. Hiện đại hóa quân sự, an ninh

Câu 9: Một trong những mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh là:

A. Tạo ra những cơ sở vật chất nâng cao đời sống cho lực lượng vũ trang

B. Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

C. Tạo ra tiềm lực quân sự để phòng thủ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc

D. Tạo ra môi trường hòa bình để phát triển kinh tế đất nước

Câu 10: Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

A. Thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm của mọi người

B. Tăng cường vai trò của các tổ chức quần chúng

C. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh

D. Phát huy vai trò của các cơ quan đoàn thể, trách nhiệm của công dân

Câu 11: Trong các nội dung sau, đâu là nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân là:

A. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- B. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị
- C. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân
- D. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh

Câu 12: Nền quốc phòng toàn dân của Việt Nam, được xây dựng:

- A. nhanh chóng hiện đại
- B. ngày càng hiện
- C. vô cùng hiện đại
- D. chính quy, hiện đại

Câu 13: Nền quốc phòng toàn dân của Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ:

- A. kinh tế với quốc phòng-an ninh
- B. chính trị với quân sự
- C. kinh tế với chính trị
- D. chính trị với ngoại giao

Câu 14: Việt Nam xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, nhằm mục đích duy nhất là:

- A. bảo vệ hòa bình thế giới
- B. sẵn sàng can thiệp vào các nước khi cần
- C. bảo vệ Tổ quốc XHCN
- D. cả A, B, C đều đúng

Câu 15: Xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh nhằm:

- A. bảo đảm hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước
- B. bảo vệ thành quả của sự nghiệp xây dựng đạt được
- C. bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
- D. cả A, B, C đều đúng

Câu 16: Nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân có các đặc trưng cơ bản sau đây:

- A. Chỉ nhằm mục đích duy nhất là tự vệ chính nghĩa
- B. Được xây dựng từng bước hiện đại, bằng sức mạnh tổng hợp
- C. Kết hợp kinh tế-xã hội với quốc phòng-an ninh; kết hợp quốc phòng với an ninh
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 17: Xây dựng nền Quốc phòng toàn dân vững mạnh đảm bảo:

- A. Đủ sức ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh xâm lược
- B. Sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược ở mọi quy mô, mức độ
- C. Bảo vệ vững chắc hòa bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 18. Xây dựng nền An ninh nhân dân vững mạnh đảm bảo:

- A. Đủ sức ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ can thiệp, lật đổ của kẻ thù
- B. Sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù
- C. Giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 19. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta là: Xây dựng nền QPTD, nền ANND phải kết hợp:

- A. thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược
- B. quân sự với chính trị

C. an ninh với chính trị

D. thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội

Câu 20. “Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại” là một trong những nội dung của:

A. Đặc điểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

B. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

C. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

D. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 21. Lực lượng quốc phòng, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bao gồm:

A. Lực lượng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân

B. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân

C. Lực lượng toàn dân và lực lượng dự bị động viên

D. Lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, công an

Câu 22: Trong các nội dung sau, đâu là đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ?

A. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với, sức mạnh đoàn kết của toàn dân

B. Nền quốc phòng, an ninh kết hợp truyền thống với hiện đại

C. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

D. Nền quốc phòng, an ninh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại

Câu 23: Tiềm lực chính trị tinh thần trong nội dung xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

A. Khả năng về chính trị tinh thần của xã hội để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và sẵn sàng chiến đấu

B. Khả năng về chính trị tinh thần có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

C. Khả năng về chính trị tinh thần có thể huy động để tự vệ chống lại mọi kẻ thù xâm lược

D. Khả năng về chính trị tinh thần của nhân dân có thể huy động được để chiến đấu chống quân xâm lược

Câu 24. Một trong những nội dung xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

A. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)

B. Xây dựng lực lượng gắn với các vùng dân cư

C. Xây dựng công trình quốc phòng, an ninh vững chắc

D. Xây dựng vùng dân cư gắn với các trận địa phòng thủ

Câu 25. “Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân” là một trong những nội dung của:

A. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

B. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

C. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

D. Phương pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 26. “Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng” là một nội dung của:

A. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

B. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

C. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

D. Đặc điểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Câu 27. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là:

A. Khả năng về của cải vật chất có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

B. Khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

C. Khả năng về vũ khí trang bị có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

D. Khả năng về phương tiện kỹ thuật có thể huy động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Câu 28: “Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước” là một nội dung của:

A. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

B. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

D. Xây dựng tiềm lực kinh tế của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 29: Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng an ninh, tiềm lực chính trị tinh thần là:

A. Nhân tố chủ yếu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh.

B. Yếu tố hàng đầu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh.

C. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh.

D. Yếu tố quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Câu 30. Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

A. Tạo nên khả năng về vũ khí trang bị kỹ thuật để phòng thủ đất nước.

B. Tạo nên khả năng về khoa học công nghệ của quốc gia để khai thác phục vụ quốc phòng, an ninh.

C. Tạo nên khả năng huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh.

D. Tạo ra khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào quốc phòng, an ninh.

Câu 31. “Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường” là nội dung của:

- A. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân
- B. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân
- C. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân
- D. Quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Câu 32. Tiềm lực kinh tế trong xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có tầm quan trọng như thế nào?

- A. Tạo sức mạnh vật chất cho nền QPTD, ANND, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.
- B. Là điều kiện vật chất bảo đảm cho xây dựng lực lượng vũ trang và thế trận quốc phòng.
- C. Là điều kiện vật chất để phát triển nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện đại.
- D. Là điều kiện vật chất cho xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Câu 33. “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân” là một nội dung của:

- A. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 34. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân thì tiềm lực nào tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác?

- A. Tiềm lực khoa học, công nghệ
- B. Tiềm lực chính trị, tinh thần
- C. Tiềm lực kinh tế
- D. Tiềm lực quân sự, an ninh

Câu 35. “Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc” là biểu hiện của:

- A. Ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc
- B. Tiềm lực chính trị, tinh thần
- C. Sự vững mạnh về quốc phòng, an ninh
- D. Tiềm lực quân sự, an ninh

Câu 36. Một trong những nội dung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là: Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với.

- A. bảo toàn lực lượng
- B. quy hoạch dân cư
- C. xây dựng các phương án phòng thủ.
- D. vùng kinh tế, dân cư

Câu 37. “Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hòa bình, ổn định, đẩy

lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô” là nội dung của:

- A. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Vị trí của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 38. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, tiềm lực nào là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của đất nước, giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc?

- A. Tiềm lực quân sự, an ninh
- B. Tiềm lực chính trị, tinh thần
- C. Tiềm lực kinh tế
- D. Tiềm lực chính trị, quân sự

Câu 39. Thế trận của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

A. Sự sắp xếp, bố trí lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính trên phạm vi cả nước theo yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. Sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

C. Sự chuẩn bị toàn diện mọi mặt của đất nước từ trung ương đến các địa phương trên phạm vi cả nước đáp ứng yêu cầu phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

D. Sự chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực, tài chính, triển khai bố trí lực lượng, tổ chức phòng thủ dân sự theo yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 40. Đảng ta khẳng định vị trí của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân như thế nào?

- A. Luôn luôn coi trọng quốc phòng – an ninh, coi đó là nhiệm vụ quan trọng.
- B. Luôn luôn coi trọng quốc phòng – an ninh, coi đó là nhiệm vụ chủ yếu.

C. Luôn luôn coi trọng quốc phòng – an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- D. Luôn luôn coi trọng quốc phòng – an ninh, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu.

Câu 41. Một trong những đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?

- A. Nền quốc phòng, an ninh của dân, do dân, vì dân.
- B. Nền quốc phòng, an ninh mang tính giai cấp, nhân dân sâu sắc.
- C. Nền quốc phòng, an ninh bảo vệ quyền lợi của dân.
- D. Nền quốc phòng, an ninh do nhân dân xây dựng, mang tính nhân dân sâu sắc.

Câu 42. Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ở nước ta là thế nào?

- A. Sức mạnh do các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học.
- B. Sức mạnh tổng hợp do thiên thời địa lợi nhân hòa tạo ra.
- C. Sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân tạo ra

D. Sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành.

Câu 43. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có đặc trưng gì?

A. Chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng.

B. Đó là nền quốc phòng của dân, do dân, vì dân.

C. Nền quốc phòng, an ninh do các bộ, các ngành xây dựng.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 44. Một trong những mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh là gì?

A. Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

B. Tạo ra những cơ sở vật chất nâng cao mức sống cho lực lượng vũ trang.

C. Tạo ra tiềm lực quân sự để phòng thủ đất nước.

D. Tạo ra môi trường hòa bình để phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Câu 45. Vị trí mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay như thế nào?

A. Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng CNXH chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

B. Quan hệ khăng khít tác động qua lại tạo điều kiện cho nhau, nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế là hàng đầu.

C. Quan hệ đan chen tác động qua lại lẫn nhau, nhiệm vụ xây dựng Chủ nghĩa xã hội là quyết định.

D. Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng CNXH cần củng cố và xây dựng LLVTND hùng mạnh để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 46. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là gì?

A. Khả năng vật chất và tinh thần của lực lượng vũ trang nhân dân.

B. Khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

C. Khả năng cung cấp cơ sở vật chất và trình độ khoa học công nghệ của đất nước.

D. Khả năng huy động sức người, sức của để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 47. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân là gì?

A. Xây dựng nền dân chủ Xã hội Chủ nghĩa.

B. Xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, nhà nước và các đoàn thể chính trị, xã hội.

C. Xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng, an ninh.

D. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 48. Trong củng cố xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân, lực lượng nào là nòng cốt?

A. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân.

B. Quân chúng nhân dân lao động và an ninh nhân dân

C. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

D. Lực lượng quân đội, lực lượng an ninh nhân dân.

Câu 49. Nội dung xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân là gì?

- A. Xây dựng nền công nghiệp, nông nghiệp theo hướng hiện đại.
- B. **Đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.**
- C. Xây dựng nền công nghiệp, nông nghiệp phát triển, lấy công nghiệp nặng làm then chốt.
- D. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng an ninh vững mạnh.

BÀI 4:

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Câu 01: Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là?

- A. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa ly khai
- B. **Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động**
- C. Các thế lực phản cách mạng trong và ngoài nước
- D. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế

Câu 02: Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, khó khăn cơ bản của địch là gì?

- A. Phải đương đầu với một dân tộc có truyền thống kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm
- B. Tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa sẽ bị thế giới lên án
- C. Phải tác chiến trong điều kiện địa hình, thời tiết phức tạp.
- D. **Cả A, B, C đều đúng**

Câu 03. Chiến tranh nhân dân là cuộc chiến tranh do đông đảo quần chúng nhân dân tiến hành:

- A. có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt
- B. do giai cấp cách mạng hoặc lực lượng tiến bộ xã hội lãnh đạo
- C. để chống ngoại xâm hoặc ách thống trị trong nước
- D. **Cả A, B, C đều đúng**

Câu 04: Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta là gì?

- A. **Đánh nhanh, thắng nhanh kết hợp tiến công từ bên ngoài và bạo loạn lật đổ từ bên trong**
- B. Bao vây phong tỏa, cấm vận, dùng hỏa lực đánh bất ngờ, đánh từ xa không trực tiếp.
- C. Dùng vũ khí công nghệ cao đánh từ xa không trực tiếp tiếp xúc là chủ yếu.
- D. Dùng vũ khí công nghệ cao đánh từ xa, kết hợp vận động, lôi kéo các đồng minh hỗ trợ.

Câu 05: Điểm mạnh cơ bản của địch khi tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta là gì?

- A. Vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự tương đối hiện đại.
- B. **Có sức mạnh về kinh tế, quân sự, tiềm lực khoa học công nghệ.**
- C. Có lực lượng đồng minh tham gia vũ khí hiện đại.

D. Có ưu thế về quân số, thích nghi tốt với địa hình thời tiết.

Câu 06: Một trong những tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Là cuộc chiến tranh toàn dân, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.

B. Là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.

C. Là cuộc chiến tranh toàn diện lấy lực lượng quân sự là quyết định, lực lượng an ninh là quan trọng.

D. Là cuộc chiến tranh cách mạng chống các thế lực khủng bố.

Câu 07: Tính hiện đại trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được thể hiện ở chỗ nào?

A. Sử dụng vũ khí trang bị hiện đại để tiến hành chiến tranh

B. Sử dụng vũ khí trang bị hiện đại để đánh bại kẻ thù có vũ khí hiện đại hơn

C. Hiện đại về vũ khí trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự.

D. Kết hợp sử dụng vũ khí tương đối hiện đại với hiện đại để tiến hành chiến tranh

Câu 08: Một trong những đặc điểm lớn của đất nước khi tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là gì?

A. Đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội

B. Đất nước đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

C. Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc.

D. Các tuyến phòng thủ đất nước được củng cố vững chắc

Câu 09: Mục đích của chiến tranh nhân dân Việt Nam là gì?

A. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ

B. Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc

C. Bảo vệ Đảng, nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa

D. Tất cả đều đúng

Câu 10: Đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là gì?

A. Diễn ra khản trương, quyết liệt phức tạp trong giai đoạn đầu, chậm dần về sau khi ta củng cố được lực lượng.

B. Diễn ra khản trương, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và suốt quá trình chiến tranh.

C. Diễn ra trong bối cảnh quốc tế hoàn toàn thuận lợi cho chúng ta

D. Diễn ra trong điều kiện đất nước còn gặp nhiều khó khăn, điều kiện đáp ứng cho cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc chưa được chuẩn bị đầy đủ.

Câu 11. Chọn quan điểm đúng về chiến tranh nhân dân?

A. Là một loại hình chiến tranh xuất hiện đầu tiên trong chiến tranh hiện đại để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. Là truyền thống, là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc của dân tộc ta từ xưa đến nay.

C. Là một biện pháp để đánh thắng quân địch mà cha được học được từ các cuộc chiến tranh trên thế giới.

D. Là loại hình chiến tranh mà tất cả mọi giới, lứa tuổi đều là chiến sĩ, trực tiếp cầm súng chiến đấu chống quân thù

Câu 12: Quan điểm, thực hiện toàn dân đánh giặc trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc thể hiện vấn đề gì?

A. Thể hiện tính toàn diện sâu sắc trong cuộc chiến tranh

B. Thể hiện tính khoa học sâu sắc trong cuộc chiến tranh

C. Thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh

D. Thể hiện tính chất mở của chiến tranh

Câu 13: Quan điểm “thực hiện toàn dân đánh giặc” trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có vị trí như thế nào?

A. Là điều kiện để phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc

B. Là điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh

C. Là điều kiện để phát huy cao nhất yếu tố con người trong chiến tranh

D. Là điều kiện để tận dụng sức mạnh vật chất của nhân dân trong chiến tranh

Câu 14: Quan điểm “tiến hành chiến tranh toàn diện” trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc thể hiện như thế nào?

A. Đánh địch trên tất cả các mặt trận, các mặt trận hỗ trợ cho mặt trận chính trị

B. Đánh địch trên tất cả các mặt trận, các mặt trận hỗ trợ cho mặt trận quân sự

C. Đánh địch trên tất cả các mặt trận, các mặt trận hỗ trợ cho mặt trận ngoại giao

D. Đánh địch trên tất cả các mặt trận, các mặt trận hỗ trợ cho mặt trận kinh tế

Câu 15: Cơ sở nào để nhận biết tính chất của cuộc chiến tranh?

A. Hình thức tiến hành chiến tranh. B. Mục đích chính trị của chiến tranh.

C. Phương thức tiến hành chiến tranh D. Phương châm tiến hành chiến tranh.

Câu 16: Trong 4 mặt trận sau, mặt trận nào có ý nghĩa quyết định trong chiến tranh?

A. Mặt trận kinh tế B. Mặt trận quân sự

C. Mặt trận ngoại giao D. Mặt trận chính trị

Câu 17: Theo quan điểm của Đảng ta, yếu tố nào quyết định thắng lợi trên chiến trường?

A. Vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại

B. Vũ khí hiện đại, nghệ thuật tác chiến cao

C. Con người là yếu tố quyết định

D. Vũ khí hiện đại và quân số vượt trội

Câu 18: Tại sao phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước và từng khu vực, đủ sức đánh được lâu dài?

A. Kinh tế của ta còn yếu nên phải chuẩn bị mọi mặt.

B. Kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta nhiều lần, muốn đánh nhanh thắng nhanh.

C. Kẻ thù muốn đánh chắc, tiến chắc để tiêu diệt hoàn toàn quân ta.

D. Kẻ thù có sức mạnh quân sự, chủ yếu đánh ta từ xa bằng các vũ khí hiện đại.

Câu 19: Tại sao trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, ta chủ trương đánh lâu dài?

A. Để làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của kẻ thù

B. Để ta có thời gian xây dựng, củng cố lực lượng

C. Để làm suy yếu sức mạnh của kẻ thù

D. A, B, C đều đúng

Câu 20: Muốn duy trì được sức mạnh để đánh thắng kẻ thù, phương châm tiên hành chiến tranh của Đảng ta là gì ?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh, tránh gây thiệt hại cho ta ở mức thấp nhất.

B. Tập trung toàn lực lượng vào các trận đánh, đánh chắc, tiến chắc.

C. Đánh tổng lực trên tất cả các mặt trận ngay từ đầu, nhanh chóng dồn địch vào thế bị động, tận dụng thời cơ kết thúc chiến tranh.

D. Vừa kháng chiến vừa duy trì đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất, kĩ thuật cho chiến tranh.

Câu 21: Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc phải kết hợp chặt chẽ như thế nào?

A. Chống quân xâm lược với chống bọn khủng bố

B. Chống địch tấn công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong

C. Chống bạo loạn lật đổ với trấn áp bọn phản động trong nước.

D. Chống bạo loạn lật đổ với các hoạt động phá hoại khác.

Câu 22: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong quá trình tiến hành chiến tranh nhằm?

A. Tranh thủ sự giúp đỡ về kinh tế của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

B. Tạo nên sức mạnh tổng hợp bao gồm cả nội lực và ngoại lực.

C. Để thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế của ta.

D. Tranh thủ sự ủng hộ mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 23: Tiến hành chiến tranh nhân dân với tinh thần tự lực tự cường nhưng phải?

A. Cần tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.

B. Phát huy cao nhất nội lực của đất nước, không cần sự giúp đỡ của các nước.

C. Chỉ cần một số nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ nhân dân ta cả về vật chất và tinh thần.

D. Vừa dựa vào sức mình, vừa dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, hai vấn đề này phải được coi trọng như nhau

Câu 24: Lực lượng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc bao gồm?

A. Lực lượng vũ trang ba thứ quân

B. Lực lượng toàn dân lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt

C. Lực lượng vũ trang ba thứ quân kết hợp các lực lượng vũ trang khác

D. Là sự phối hợp giữa các lực lượng

Câu 25: Lực lượng vũ trang nhân dân 3 thứ quân của Việt Nam trong chiến tranh gồm?

A. Quân đội, công an, dân quân tự vệ

B. Bộ đội thường trực, lực lượng dự bị, dân quân tự vệ

C. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ

D. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng

Câu 26. Thế trận chiến tranh nhân dân là:

A. Sự tổ chức, bố trí các lực lượng vũ trang nhân dân đánh giặc

B. Sự tổ chức, bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến

C. Sự tổ chức, bố trí lực lượng để hoạt động tác chiến phòng thủ đất nước

D. Sự tổ chức, bố trí các lực lượng để chiến đấu trong khu vực phòng thủ

Câu 27. Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, thế trận của chiến tranh được triển khai:

A. Bố trí rộng khắp, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải

B. Bố trí sâu, rộng, tập trung ở khu vực kinh tế - xã hội chủ yếu

C. Bố trí rộng trên cả nước nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm

D. Bố trí rộng trên từng địa phương, tập trung ở các địa bàn trọng điểm

Câu 28. Đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam theo quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. Chủ nghĩa Đế quốc; Các thế lực nước lớn và chư hầu; Các tổ chức phản động, lực lượng cơ hội.

B. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế

C. Chủ nghĩa Đế quốc và các thế lực thù địch

D. Các thế lực thù địch hiếu chiến, đồng minh và tay sai; Các thế lực nước lớn và chư hầu; Các tổ chức phản động, lực lượng cơ hội.

Câu 29. Thế trận chiến tranh nhân dân là:

A. Sự tổ chức, bố trí các lực lượng vũ trang nhân dân đánh giặc

B. Sự tổ chức, bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến

C. Sự tổ chức, bố trí lực lượng để hoạt động tác chiến phòng thủ đất nước

D. Sự tổ chức, bố trí các lực lượng để chiến đấu trong khu vực phòng thủ

Câu 30. Một trong những quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc là:

A. Tiến hành chiến tranh trên cả nước, trên mọi mặt trận, lấy thắng lợi quân sự là yếu tố quyết định giành thắng lợi.

B. Tiến hành chiến tranh toàn diện, đánh địch trên mọi mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, trên cả ba vùng chiến lược.

C. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

D. Tiến hành cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ bằng sức mạnh của cả dân tộc để bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

BÀI 5:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Câu 1: Lực lượng vũ trang nhân dân là gì?

A. Là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhà nước CHXHCN Việt Nam quản lý.

B. Là các tổ chức vũ trang của quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhà nước CHXHCN Việt Nam quản lý.

C. Là các tổ chức bán vũ trang của công an nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhà nước CHXHCN Việt Nam quản lý

D. Là quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Câu 2: Lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc có vị trí như thế nào?

A. Là lực lượng xung kích trong các hoạt động quân sự, an ninh

B. Là lực lượng nòng cốt của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân

C. Là lực lượng chủ yếu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

D. Là lực lượng quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Câu 3: Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta hiện nay là gì?

A. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

B. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố nền quốc phòng an ninh nhân dân.

C. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển nông nghiệp nông thôn

D. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân?

A. Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, kẻ thù ra sức chống phá ta quyết liệt.

B. Tình hình thế giới thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định.

C. Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã có bước trưởng thành lớn mạnh cả về bản lĩnh chính trị.

D. Sự nghiệp đổi mới đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa.

Câu 5: Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc gì?

A. Tuyệt đối về mọi mặt

B. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt

C. Tuyệt đối, toàn diện, lãnh đạo chính trị là quyết định

D. Tuyệt đối, toàn diện trên mọi lĩnh vực

Câu 6: Một trong những thuận lợi cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hiện nay là gì?

A. Tiềm lực và vị thế của đất nước được tăng cường, Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng có đường lối độc lập tự chủ sáng tạo.

B. Kinh tế ngày càng phát triển, quốc phòng an ninh ngày càng vững mạnh, chính trị không ổn định

C. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, quân đội và công an nhân dân ngày càng tinh giảm

D. Nhà nước đã cắt giảm đầu tư cho quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Câu 7: Một trong những quan điểm, nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là gì?

A. Phát huy nội lực kết hợp với sức mạnh thời đại

B. Độc lập, tự chủ để phát triển lực lượng vũ trang nhân dân

C. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với LLVT nhân dân

D. Phát huy truyền thống dân tộc để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 8: Cơ quan nào quản lý lực lượng vũ trang nhân dân?

A. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

B. Nhà nước CHXHCN Việt Nam

C. Đảng Cộng sản Việt Nam

D. Chính quyền địa phương các cấp

Câu 9: Một trong những quan điểm trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là gì?

A. Xây dựng LLVTND lấy chất lượng là trọng tâm, lấy chính trị làm chủ yếu

B. Xây dựng LLVTND lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở

C. Xây dựng LLVTND toàn diện cả về số lượng và chất lượng

D. Xây dựng LLVTND toàn diện, tập trung hiện đại vũ khí trang bị cho quân đội

Câu 10: Đảng CSVN lãnh đạo lực lượng vũ trang trên lĩnh vực nào?

A. Trên tất cả các lĩnh vực

B. Trên lĩnh vực chính trị

C. Trên lĩnh vực tổ chức

D. Trên lĩnh vực chiến đấu

Câu 11: Một trong những lý do phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang?

A. Bảo đảm cho LLVT luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống.

B. Bảo đảm cho LLVT luôn có tinh thần cảnh giác cách mạng trước thủ đoạn của kẻ thù.

C. Bảo đảm cho LLVT có bản chất cách mạng, có mục tiêu, phương hướng chiến đấu đúng đắn.

D. Bảo đảm cho LLVT được huấn luyện và rèn luyện tốt mọi lúc mọi nơi sẵn sàng chiến đấu.

Câu 12: Phương hướng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hiện nay là gì?

- A. Xây dựng rộng khắp.
- B. Chú trọng cả số lượng và chất lượng
- C. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo tốt.
- D. Câu A, B, C đều đúng**

Câu 13: Quan điểm, nguyên tắc nào là cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân?

- A. Tự lực tự cường xây dựng lực lượng vũ trang
- B. Xây dựng LLVT lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở
- C. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.**
- D. Bảo đảm cho lực lượng vũ trang luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Câu 14: Xây dựng quân đội từng bước hiện đại nhằm mục đích gì?

- A. Bảo đảm khả năng cơ động cho lực lượng vũ trang
- B. Nâng cao sức mạnh chiến đấu cho quân đội**
- C. Bảo đảm cho lực lượng vũ trang có vũ khí hiện đại
- D. Câu A và C đều đúng.

Câu 15: Một trong những phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là gì?

- A. Xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân theo hướng vững mạnh, đáp ứng tình hình mới.
- B. Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng chính quy, thống nhất, tinh nhuệ từng bước hiện đại.
- C. Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.**
- D. Xây dựng quân đội nhân dân theo hướng chính quy, hiện đại sẵn sàng chiến đấu cao.

Câu 16: Phương hướng xây dựng quân đội nhân dân hiện nay là gì?

- A. Xây dựng QĐND, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại
- B. Xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, thống nhất từng bước hiện đại
- C. Xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại**
- D. Xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, hiện đại có tinh thần quốc tế vô sản.

Câu 17: Một trong những biện pháp chủ yếu trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là gì?

- A. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí cho lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Từng bước trang bị vũ khí, phương tiện hiện đại cho lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân**
- D. Từng bước đổi mới bổ sung đầy đủ vũ khí hiện đại cho lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 18: Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm tổ chức nào?

- A. Quân đội, Công an, lực lượng dự bị động viên
- B. Quân đội, lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ
- C. Bộ đội chủ lực, Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ
- D. Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ**

Câu 19: Yếu tố nào sau đây quyết định nhất đến sức mạnh của lực lượng vũ trang?

- A. Chính trị tinh thần**
- B. Kinh tế
- C. Vũ khí trang bị
- D. Chỉ huy, tác chiến

Câu 20: Chính quy trong quân đội thể hiện ở chỗ nào?

- A. Là sự thống nhất về huấn luyện tác chiến
- B. Là sự thống nhất về mọi mặt**
- C. Là sự thống nhất về tổ chức biên chế
- D. Là sự thống nhất về nghệ thuật tác chiến

Câu 21: Thách thức lớn đối với chúng ta trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Tình trạng đạo đức xuống cấp, đời sống nhân dân lao động còn khó khăn, tội phạm và tệ nạn xã hội chưa giảm**
- B. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên
- C. Trật tự, an toàn xã hội còn nhiều phức tạp, trật tự kỷ cương còn lỏng lẻo, tai nạn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm đang là vấn đề bức xúc
- D. Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, hàng gian, hàng giả, buôn lậu, trốn thuế vẫn còn phổ biến, gây bức xúc trong nhân dân

Câu 22. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân cần phải:

- A. Xuất phát từ quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân**
- B. Xuất phát từ tình thế giới và âm mưu của kẻ thù
- C. Xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của đất nước
- D. Phù hợp với xu thế chung của thế giới, khu vực

Câu 23. Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân, phải xây dựng các tổ chức Đảng:

- A. Vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao
- B. Trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức**
- C. Vững mạnh, trong sáng, kỷ luật nghiêm minh
- D. Trong sạch, vững chắc, có số lượng đông, chất lượng cao

Câu 24. Một trong những biện pháp để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong giai đoạn mới là:

- A. Xây dựng quân đội, lực lượng dự bị động viên và công an vững mạnh về mọi mặt, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu
- B. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân**

C. Xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

D. Thực hiện đầy đủ các Chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 25. “Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi” là một quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng ta, quan điểm nguyên tắc này phản ánh:

A. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân

B. Tính chủ động đối phó kịp thời với kẻ địch đang luôn tìm cách phá hoại ta

C. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân

D. Yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 26. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo “tuyệt đối” lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam được thể hiện:

A. Đảng không chia quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang cho bất cứ ai trong thời bình

B. Đảng chia sẻ quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang cho giai cấp khác khi đất nước khó khăn

C. Đảng độc tôn lãnh đạo không nhường, hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào

D. Đảng sẽ nhường quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang cho đảng khác khi có chiến tranh

Câu 27. Mâu thuẫn chủ yếu hiện nay và những năm tới trong xây dựng lực lượng vũ trang là:

A. Yêu cầu phải làm chủ trang bị vũ khí hiện đại, nhưng trình độ quản lý, khai thác và sử dụng của cán bộ, chiến sỹ còn hạn chế

B. Nhu cầu đầu tư cho xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, tăng cường chất lượng huấn luyện rất lớn, nhưng ngân sách và cơ sở vật chất còn hạn hẹp

C. Nhu cầu đầu tư cho quốc phòng, an ninh, cho xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách Nhà nước còn rất hạn hẹp

D. Yêu cầu đòi hỏi chất lượng cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật rất cao, nhưng chất lượng đào tạo, huấn luyện còn hạn chế

Câu 28. Trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, việc chấn chỉnh tổ chức biên chế đối với các đơn vị bộ đội chủ lực là:

A. Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động, có sức chiến đấu cao

B. Tổ chức các đơn vị phải có số lượng hợp lý, chất lượng cao

C. Tổ chức các đơn vị phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ

D. Tổ chức các đơn vị phải gắn với nhiệm vụ trong khu vực phòng thủ

Câu 29. Một trong các vấn đề có ảnh hưởng đến việc xây dựng lực lượng VTND Việt Nam hiện nay là tình hình thế giới thay đổi căn bản, diễn biến:

A. hoàn toàn bất lợi cho ta

B. phức tạp, khó lường

C. có lợi cho ta, bất lợi cho địch

D. nhanh chóng, nhiều chiều

Câu 30. Một trong các vấn đề có ảnh hưởng đến việc xây dựng lực lượng VTND Việt Nam hiện nay là tình hình khu vực Đông Nam Á:

A. sẽ có xung đột vũ trang

B. hòa bình, ổn định và phát triển

☒ C. tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn

D. bất ổn về kinh tế-xã hội

BÀI 6:

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG – AN NINH

Câu 01: Cơ sở lý luận của sự kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh là gì?

A. Kinh tế quyết định việc cung ứng vật chất cho quốc phòng an ninh

B. Kinh tế quyết định việc cung cấp trang thiết bị cho quốc phòng an ninh

☒ C. Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng an ninh

D. Kinh tế quyết định việc cung cấp kỹ thuật, công nghệ cho quốc phòng an ninh.

Câu 02. Hoạt động kinh tế-xã hội với hoạt động quốc phòng, an ninh có quan hệ gắn bó, hỗ trợ, thúc đẩy nhau. Trong đó:

☒ A. kinh tế giữ vai trò quyết định

B. quốc phòng, an ninh giữ vai trò quyết định

C. thời bình kinh tế giữ vai trò quyết định

D. thời chiến quốc phòng giữ vai trò quyết định

Câu 03: Điền vào chỗ trống trong phát biểu sau: “Đối với dân tộc Việt Nam, dựng nước đi đôi với giữ nước trở thành... tồn tại và phát triển”

A. nhu cầu

B. mục tiêu

C. nguyên tắc

☒ D. quy luật

Câu 04: Mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng an ninh là gì?

A. Kinh tế quyết định nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng an ninh.

B. Bản chất của kinh tế-xã hội quyết định bản chất của quốc phòng an ninh

C. Quốc phòng an ninh tác động trở lại kinh tế theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

☒ D. Câu A, B, C đúng

Câu 05. Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, nhằm mục đích:

☒ A. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước

B. Bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng

C. Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động

D. Bảo vệ chính quyền, chống lại mọi âm mưu thủ đoạn chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động

Câu 06. Hoạt động an ninh của một quốc gia là để bảo đảm:

A. Đất nước ổn định, bình yên, tính mạng và tài sản nhân dân được bảo vệ, xã hội không ngừng phát triển

B. Đất nước an toàn, xã hội trật tự không bị rối loạn, mọi người được sống bình yên, xã hội tồn tại và phát triển

C. Đất nước thanh bình, xã hội có trật tự kỷ cương, mọi người được an toàn, xã hội tồn tại và phát triển

D. Đất nước trạng thái ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển

Câu 07. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở nước ta hiện nay là:

A. *Hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh trong một chỉnh thể thống nhất*

B. Hoạt động của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện thống nhất các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh

C. Hoạt động tích cực của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thực hiện trên phạm vi cả nước gắn kết các hoạt động lại với nhau

D. Hoạt động một cách chủ động của nhà nước điều hành thực hiện thống nhất, chặt chẽ các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh trên phạm vi cả nước

Câu 08. Tác động tích cực của quốc phòng, an ninh đối với kinh tế là:

A. Tiêu thụ sản phẩm của kinh tế, tạo điều kiện kích thích tăng trưởng kinh tế

B. *Tạo môi trường hòa bình, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển*

C. Tiêu dùng của quốc phòng, an ninh rất lớn sẽ là thị trường cho kinh tế tiêu thụ sản phẩm

D. Lực lượng thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự sẽ là nguồn lao động tốt

Câu 09: Khẳng định: “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào kinh tế” là của?

A. Hồ Chí Minh.

B. Ph. Ăngghen

C. V.I.Lênin

D. C.Mác

Câu 10. Một trong những kế sách của ông cha ta đã thể hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng:

A. Ngụ binh ư nông

B. Ngụ nông ư binh

C. Nông binh cư ngụ

D. Ngụ binh công nông

Câu 11: “Động vi binh, tĩnh vi dân” nghĩa là gì?

A. Khi đất nước hoà bình làm người lính sẵn sàng chiến đấu.

B. Khi đất nước chiến tranh làm người dân phát triển kinh tế

C. Khi đất nước có chiến tranh hoặc bình yên đều phải làm người dân xây dựng, phát triển kinh tế

D. Khi đất nước có chiến tranh làm người lính, đất nước bình yên làm người dân phát triển xây dựng kinh tế.

Câu 12: Trong kháng chiến chống Pháp, Đảng ta đề ra chủ trương kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh như thế nào?

- A. Vừa tiến hành chiến tranh, vừa củng cố tiềm lực kinh tế
- B. Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc**
- C. Vừa tăng gia sản xuất, vừa tích trữ lương thực.
- D. Vừa xây dựng làng kháng chiến, vừa củng cố nhân lực.

Câu 13. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng đã đề ra chủ trương: “Trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế”, chủ trương đó được triển khai thực hiện:

- A. Trên phạm vi cả nước
- B. Ở miền Nam**
- C. Ở miền Trung
- D. Ở miền Bắc

Câu 14: Kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ cần phải quan tâm vấn đề gì?

- A. Kết hợp chặt chẽ phát triển vùng kinh tế chiến lược với xây dựng vùng chiến lược quốc phòng an ninh.**
- B. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng quần chúng
- C. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp quốc phòng với xây dựng các thể trận phòng thủ
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội

Câu 15: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh thì lĩnh vực nào đóng vai trò là động lực, là nền tảng cho sự phát triển?

- A. Công nghiệp và bưu chính viễn thông
- B. Khoa học và công nghệ, giáo dục**
- C. Giao thông vận tải
- D. Câu A, B, C đúng.

Câu 16: Kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh ở vùng núi, biên giới, cần tập trung vào những nội dung gì?

- A. Tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ, có chính sách điều chỉnh dân số phù hợp
- B. Thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo.
- C. Kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả trung ương và địa phương.
- D. Tất cả đều đúng**

Câu 17. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh đối với vùng núi biên giới là cực kỳ quan trọng, vì vùng núi biên giới là:

- A. Vùng dân cư còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội
- B. Vùng trọng điểm của chiến lược “Diễn biến hòa bình”
- C. Vùng hậu phương chiến lược của cả nước nếu chiến tranh xảy ra

D. Vùng có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc

Câu 18: Một trong những nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng trong giai đoạn hiện nay là gì?

A. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu.

B. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong phân chia các khu vực kinh tế - địa lý.

C. Kết hợp kinh tế với quốc phòng giữa các vùng dân cư và vùng kinh tế mới.

D. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong phân chia các khu vực kinh tế,

Câu 19: Một trong những nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh ở các vùng kinh tế trọng điểm là gì?

A. Phát triển kinh tế phải đáp ứng nhu cầu dân sinh thời bình và nhu cầu chi viện cho chiến tranh

B. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh và nhu cầu dự trữ cơ sở vật chất.

C. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ yêu cầu phòng thủ ở từng tỉnh, thành phố

D. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ thỏa mãn đầy đủ nhu cầu dân sinh và nhu cầu quân sự

Câu 20: Những nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh ở vùng biển, đảo gồm những vấn đề gì?

A. Nhà nước có cơ chế chính sách thoả đáng động viên, khích lệ dân ra đảo bám trụ làm ăn lâu dài.

B. Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ làm ăn.

C. Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế vùng biển, đảo thuộc chủ quyền nước ta và các nước phát triển.

D. Cả A; B; C đều đúng

Câu 21: Về kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh trong lâm nghiệp cần tập trung?

A. Đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư xây dựng các cơ sở chính trị ở các vùng núi biên giới nước ta.

B. Đẩy mạnh khai thác, trồng rừng gắn với công tác định canh định cư xây dựng các tổ chức xã hội

C. Đẩy mạnh khai thác lâm sản, phát triển hệ thống giao thông, xây dựng các đoàn thể.

D. Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo gắn với công tác luân chuyển dân cư, xây dựng cơ sở chính trị

Câu 22: Kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh trong xây dựng công trình cần chú ý gì?

A. Công trình trọng điểm, quy mô lớn phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và sẵn sàng phục vụ cho quốc phòng an ninh.

B. Công trình nào cũng đều phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và chuyển hoá phục vụ cho quốc phòng an ninh.

C. Công trình ở các vùng núi, biên giới phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và phục vụ cho chiến đấu.

D. Công trình trọng điểm, ở vùng kinh tế trọng điểm phải tính đến yếu tố tự bảo vệ

Câu 23: Một trong những giải pháp để thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh là phải tăng cường?

A. Sự lãnh đạo của nhà nước, quản lý của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ

B. Sự giám sát của quần chúng nhân dân và điều hành của cơ quan chuyên môn

C. Sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước, của chính quyền các cấp

D. Sự điều hành quản lý của Nhà nước, giám sát của nhân dân

Câu 24: Kết hợp phát triển KT- XH với tăng cường, củng cố QPAN trong giao thông vận tải cần phải làm gì?

A. Xây dựng các công trình giao thông hoành tráng cho thời bình

B. Xây dựng các con đường giao thông nông thôn cho thời chiến

C. Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến

D. Xây dựng kế hoạch động viên giao thông từng giai đoạn

Câu 25: Một trong những nội dung kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QPAN trong khoa học và công nghệ, giáo dục là gì?

A. Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước

B. Coi trọng đầu tư phát triển khoa học công nghệ của đất nước

C. Coi trọng đầu tư phát triển khoa học công nghệ quân sự

D. Cả A và B

Câu 26: Tại sao trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, phân tán, trải dài trên diện rộng?

A. Do trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ ở nước ta còn hạn chế.

B. Để hạn chế hậu quả tiến công hỏa lực của địch khi có chiến tranh.

C. Do nước ta còn nghèo chưa đủ trình độ xây dựng các khu công nghiệp lớn.

D. Để tận dụng tốt nguồn nhân lực tại chỗ cho xây dựng thành phố, khu công nghiệp.

Câu 27: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong công nghiệp sẽ làm cơ sở cho:

A. Phát triển ngành sản xuất vũ khí

B. Phát triển công nghiệp quốc phòng

C. Phát triển sản xuất trang bị quốc phòng

D. Phát triển sản xuất thiết bị quốc phòng

Câu 28. Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong công nghiệp là:

A. Kết hợp ngay từ khi thực hiện xây dựng các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất

B. Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch, bố trí các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung

C. Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp

D. Kết hợp ngay trong quy hoạch công nghiệp quốc phòng và xây dựng khu vực phòng thủ

BÀI 7

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

Câu 01. Truyền thống về vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước là?

A. Xây dựng đất nước mạnh về quốc phòng và an ninh.

B. Quan tâm bảo vệ đất nước là mục tiêu hàng đầu.

C. Giữ đất nước là chủ yếu, là vấn đề quan trọng nhất.

D. Dựng nước đi đôi với giữ nước.

Câu 02. Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó, xâm lược vì:

A. Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi

B. Việt Nam có nhiều khoáng sản

C. Việt Nam có nhiều cảnh đẹp

D. Việt Nam có truyền thống quý báu

Câu 03. Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam là:

A. Từ nghệ thuật quân sự của các nước láng giềng

B. Từ truyền thống đánh giặc của tổ tiên

C. Từ luận điểm đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin

D. Từ kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh trong khu vực

Câu 04: Lý Thường Kiệt sử dụng kế sách “Tiên phát chế nhân” nhằm?

A. Chuẩn bị chu đáo, chặn đánh địch từ khi mới xâm lược

B. Chuẩn bị thế trận phòng thủ vững chắc để đánh địch

C. Chủ động phòng thủ làm cho địch lúng túng trong tiến công

D. Chủ động tiến công trước, làm giảm thiểu sức mạnh, ý chí và hành động xâm lược của quân địch

Câu 05: “Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, làng, bản là một pháo đài...” thuộc nội dung nào trong nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta?

A. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.

B. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc.

C. Nghệ thuật lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều

D. Nghệ thuật chiến tranh toàn dân, toàn diện lấy đấu tranh quân sự là chủ chốt.

Câu 06: Một trong những nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là gì ?

A. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận.

- B. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.
- C. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại thương.
- D. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, kinh tế, thương mại, binh vận.

Câu 07: Trong nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận thì chính trị đóng vai trò :

- A. Là mặt trận chủ yếu nhất
- B. Là mặt trận quyết định thắng lợi trực tiếp.
- ☒ C. Là cơ sở để tạo ra sức mạnh về quân sự.
- D. Là mặt trận chủ yếu để phân hóa, cô lập kẻ thù.

Câu 08: Trong nghệ thuật đánh giặc của dân tộc ta, tư tưởng “Tích cực chủ động tiến công giặc” là:

- A. tư tưởng nhất thời
- ☒ B. tư tưởng xuyên suốt
- C. tư tưởng trong tiến công
- D. tư tưởng trong phòng thủ

Câu 09: Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta luôn thể hiện:

- A. Lấy kế thắng lực
- ☒ B. Lấy thế thắng lực
- C. Lấy mưu thắng lực
- D. Lấy chí thắng lực

Câu 10: Tư tưởng chỉ đạo tác chiến trong chiến tranh giữ nước của ông cha ta là:

- A. Nắm vững tư tưởng phòng ngự
- B. Nắm vững tư tưởng phòng thủ
- ☒ C. Nắm vững tư tưởng tiến công
- D. Nắm vững tư tưởng chiến thắng

Câu 11: Nội dung nào là chủ đạo trong nghệ thuật quân sự VN từ khi có Đảng lãnh đạo?

- ☒ A. Nghệ thuật chiến lược
- B. Chiến thuật quân sự
- C. Nghệ thuật chiến dịch
- D. Tất cả các câu đều đúng

Câu 12: Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo?

- ☒ A. Từ truyền thống đánh giặc của tổ tiên.
- B. Từ nghệ thuật quân sự của các nước.
- C. Từ lòng yêu nước, ý chí chiến đấu của nhân dân.
- D. Cả 2 đáp án B và C

Câu 13: Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là gì?

- A. Lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh.
- B. Chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc.
- C. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận.
- ☒ D. Tất cả đều đúng.

Câu 14: Quy luật của chiến tranh là mạnh được, yếu thua, nhưng ông cha ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh chiến tranh, đó là:

- A. Đông quân thì thắng, ít quân thì thua
- B. Sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố**
- C. Vũ khí hiện đại thì thắng, thô sơ thì thua
- D. Đoàn kết thì thắng, không đoàn kết thì thua.

Câu 15: Đảng ta chỉ đạo phương châm tiến hành chiến tranh là gì?

- A. Tự lực cánh sinh, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước khác.
- B. Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.**
- C. Tự lực cánh sinh, đánh nhanh, thắng nhanh, dựa vào sức mình là chính.
- D. Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mạnh thời đại là chính.

Câu 16: “Đánh địch bằng ba mũi giáp công : quân sự, chính trị, binh vận” thuộc nội dung nào?

- A. Cách tiến hành chiến tranh
- B. Cách đánh địch trong chiến dịch quân sự
- C. Xác định cách đánh địch hiệu quả
- D. Phương thức tiến hành chiến tranh**

Câu 17: Trong chiến dịch Điện Biên Phủ chúng ta đã thay đổi phương châm tác chiến đó là gì?

- A. Từ đánh lâu dài sang đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Từ đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh lâu dài.
- C. Từ đánh lâu dài sang đánh chắc, tiến chắc.
- D. Từ đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh chắc, tiến chắc.**

Câu 18: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” đây là tư tưởng của chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (1975)**
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không (1972)
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)
- D. Chiến dịch Bình Trị Thiên (1975)

Câu 19: Mặt trận binh vận có ý nghĩa là gì?

- A. Làm cho kẻ địch lúng túng bị động, tiến thoái lưỡng nan.
- B. Làm cho lực lượng kẻ thù thương vong, không còn khả năng tiến công.
- C. Làm tan rã hàng ngũ địch, hạn chế thấp nhất tổn thất của ta.**
- D. Làm tan rã hàng ngũ địch, không còn khả năng tác chiến.

Câu 20: Chiến thuật thường vận dụng trong giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp và Mỹ là gì?

- A. Phản công, phòng ngự, tập kích.
- B. Tập kích, phục kích, vận động tiến công.**
- C. Phục kích, đánh úp.

D. Phòng ngự, phục kích, phản kích.

Câu 21: Tại sao trong chiến tranh chống kẻ thù xâm lược, đất nước ta luôn phải lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều?

A. Vì tương quan lực lượng giữa ta và địch, địch có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn ta.

B. Giữa ta và địch, địch luôn có sức mạnh về mọi mặt hơn ta.

C. Vì đó là truyền thống nghìn năm đánh giặc của dân tộc ta.

D. Tất cả đều sai.

Câu 22: Một trong những nội dung vận dụng nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới là:

A. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng giáo dục truyền thống.

B. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng xây dựng phát triển kinh tế.

C. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.

D. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng thiên thời, địa lợi, nhân hoà.

Câu 23: Chiến dịch Điện Biên Phủ, Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Hồ Chí Minh thuộc loại hình chiến dịch nào?

A. Chiến dịch tổng hợp.

B. Chiến dịch phòng ngự.

C. Chiến dịch tiến công.

D. Chiến dịch phản công.

Câu 24: Truyền thống vẻ vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước là?

A. Xây dựng đất nước mạnh về quốc phòng và an ninh.

B. Quan tâm bảo vệ đất nước là mục tiêu hàng đầu.

C. Giữ đất nước là chủ yếu, là vấn đề quan trọng nhất.

D. Dựng nước đi đôi với giữ nước.

Câu 25. Một trong những nội dung chủ yếu của chiến lược quân sự Việt Nam là:

A. Xác định đúng bạn bè, đúng đối tác chiến lược

B. Xác định đúng kẻ thù, đúng âm mưu thủ đoạn

C. Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

D. Xác định đúng lực lượng, đúng vũ khí phương tiện

Câu 26. Đảng ta đã từng có một tư duy và nhận định chính xác trong đánh giá kẻ thù:

A. Mỹ rất giàu và rất mạnh

B. Mỹ tuy giàu nhưng rất yếu

C. Mỹ không giàu nhưng rất mạnh

D. Mỹ giàu nhưng không mạnh

BÀI 8:
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Câu 01: Phương thức xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là?

A. Tăng cường tiềm lực xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, tư tưởng - văn hóa, khoa học và giáo dục.

B. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế, tạo lập môi trường thuận lợi để phát triển.

C. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trên biển, đảo.

D. *Duy trì, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội trên biển và vùng ven biển; sẵn sàng ngăn chặn đẩy lùi đánh bại các hành động xâm lấn của kẻ thù để bảo vệ biển đảo.*

Câu 02: Lực lượng nào làm nòng cốt trong quản lý, bảo vệ biển, đảo là:

A. Lực lượng kiểm ngư Việt Nam.

B. Dân quân Tự vệ.

C. Hải quân nhân dân Việt Nam.

D. Tất cả đáp án trên.

Câu 03: Vùng nội thủy của lãnh thổ quốc gia là?

A. Là vùng nước được giới hạn bởi một bên là bờ biển và một bên khác là lãnh hải.

B. Là vùng nước nằm ở phía trong của đường cơ sở.

C. Là vùng nước nằm ở bên ngoài đường cơ sở.

D. Là vùng nước được giới hạn bởi đường cơ sở và đường biên giới trên biển.

Câu 04: Vùng lãnh hải của quốc gia là?

A. Là vùng biển nằm bên ngoài và tiếp liền với vùng tiếp giáp lãnh hải.

B. Là vùng biển tiếp giáp phía ngoài vùng nội thủy có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.

C. Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở vào trong.

D. Là vùng biển nằm bên ngoài vùng nội thủy có chiều rộng 24 hải lý.

Câu 05: Tàu thuyền của các quốc gia khác có được đi lại trong vùng lãnh hải của VN không?

A. Không được phép đi lại.

B. Được phép đi lại tự do.

C. Được phép đi lại khi chính phủ Việt Nam cho phép.

D. Được phép đi lại không gây hại.

Câu 06: Quyền chủ quyền của quốc gia đối với vùng nội thủy là gì?

A. Thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn.

B. *Thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền.*

C. Thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác.

D. Thực hiện quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

Câu 07: Hiện nay huyện đảo Hoàng Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?

- ☒ A. Thành phố Đà Nẵng
- B. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- C. Tỉnh An Giang
- D. Tỉnh Trà Vinh

Câu 08: Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào của Việt Nam?

- A. Tỉnh Kiên Giang
- ☒ B. Tỉnh Khánh Hoà
- C. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- D. Tỉnh Bình Thuận

Câu 9: Một trong những giải pháp xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của nước ta hiện nay là?

- ☒ A. Tăng cường tiềm lực xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, tư tưởng - văn hóa, khoa học và giáo dục.
- B. Vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh với tinh thần tự lực là chính để quản lý, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên các vùng biển.
- C. Khi xử lý các vấn đề, các tình huống xảy ra trên biển, đảo cần hết sức khẩn trương, thận trọng.
- D. Tất cả đều sai

Câu 10: Trong bảo vệ chủ quyền biển đảo, chúng ta cần:

- A. Thường xuyên thay đổi các nguyên tắc chiến lược và linh hoạt về sách lược
- ☒ B. Kiên định nguyên tắc chiến lược, linh hoạt về sách lược
- C. Linh hoạt về chiến lược và sách lược
- D. Kiên định nguyên tắc chiến lược và sách lược

Câu 11: Chọn phương án đúng:

- A. Vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh với tinh thần tận dụng tối đa sức mạnh quốc tế để bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên các vùng biển.
- B. Vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh với tinh thần khoan dung, hòa hoãn bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên các vùng biển.
- C. Vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh với tinh thần tự giác của các bên để bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên các vùng biển.
- ☒ D. Vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh với tinh thần tự lực là chính để bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên các vùng biển.

Câu 12: Luật Biển Việt Nam năm 2012 quy định nguyên tắc của Nhà nước Việt Nam giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác:

A. Bằng tổng hợp các biện pháp, phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

B. Bằng các biện pháp hòa bình là chủ yếu, quân sự là hỗ trợ, phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

C. Bằng các biện pháp hòa bình, ngoại giao, pháp luật phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

D. Bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Câu 13: Trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển thuộc về:

A. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam

B. Lực lượng quân đội, công an

C. Mọi công dân Việt Nam trong và ngoài nước

D. Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam

Câu 14: Nhà nước đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biển với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên cơ sở:

A. Pháp luật quốc tế, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, các bên cùng có lợi.

B. Pháp luật Việt Nam và quốc tế, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, các bên cùng có lợi.

C. Pháp luật quốc tế, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm các bên cùng có lợi.

D. Pháp luật quốc tế, tôn trọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, các bên cùng có lợi.

Câu 15: Nội dung nào không thuộc về chính sách quản lý và bảo vệ biển của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

A. Thực hiện các chính sách ưu tiên đối với nhân dân sinh sống trên các đảo và quần đảo;

B. Thực hiện chế độ ưu đãi đối với các lực lượng tham gia quản lý và bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo.

C. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ vào việc sử dụng, khai thác, phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển,

D. Tăng cường thông tin, phổ biến về tiềm năng, chính sách, pháp luật về biển. Quản lý chặt chẽ thông tin về những vấn đề nhạy cảm trên biển.

Câu 16: Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

A. Đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 17: Biên giới quốc gia được cấu thành bởi bộ phận nào sau đây?

A. Biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển và trên không.

B. Biên giới quốc gia trong lòng đất và biên giới quốc gia trên biển.

C. Biên giới quốc gia trên không, biên giới quốc gia trên biển và trong lòng đất.

D. Biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.

Câu 18: Biên giới quốc gia trên biển là:

A. Phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải.

B. Phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của vùng nội thủy.

C. Phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế.

D. Phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của vùng đất liền tiếp giáp với biển.

Câu 19: Biên giới quốc gia trên không được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời, có độ cao là:

A. Độ cao bằng với trần bay mà loại máy bay bay cao nhất của nước đó có thể thực hiện được

B. Độ cao bằng giới hạn ngoài cùng của tầng khí quyển

C. Độ cao được xác định bằng độ cao của vệ tinh bay cao nhất của quốc gia đó

D. Các quốc gia chưa xác định độ cao cụ thể

Câu 20: Khu vực biên giới trên đất liền gồm:

A. Xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền.

B. Là khu vực chạy dọc biên giới trên đất liền, có chiều rộng từ đường biên giới kéo vào lãnh thổ Việt Nam 10km.

C. Huyện, thị xã, thành phố có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền.

B. Là khu vực chạy dọc biên giới trên đất liền, được quy định về diện tích cụ thể theo từng địa phương, thể hiện trong Luật Biên giới quốc gia.

Câu 21: Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:

A. Thực hiện tổng thể các biện pháp quân sự để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới

B. Thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới

C. Thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới

D. Thực hiện tổng thể các biện pháp quân sự, chính trị, ngoại giao để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh an toàn ở khu vực biên giới

Câu 22: Lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia là:

A. Công an nhân dân và Quân đội nhân dân Việt Nam

B. Bộ đội biên phòng và hải quân

C. Bộ đội biên phòng

D. Lực lượng vũ trang các quân khu

Câu 23: Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia:

A. Xây dựng các khu công nghiệp tại khu vực biên giới, phát triển kinh tế xã hội vùng biên, củng cố thể trận phòng thủ biên giới

B. Xây dựng và bảo vệ công trình quốc phòng trên khu vực biên giới, các công trình bảo vệ biên giới.

C. Tập trung tăng cường mật độ dân số ở các vùng biên giới, đặc biệt là biên giới trên đất liền, qua đó củng cố thể trận chiến tranh nhân dân bảo vệ biên giới.

D. Tập trung lực lượng, vũ khí trang bị hiện đại dọc biên giới quốc gia, tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm soát biên giới.

Câu 24: Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của:

A. Lực lượng bộ đội biên phòng và nhân dân các vùng biên giới

B. Lực lượng bộ đội biên phòng, hải quân nhân dân

C. Lực lượng bộ đội biên phòng, hải quân nhân dân và nhân dân các vùng biên giới

D. Lực lượng toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành

Câu 25: Xây dựng và bảo vệ biên giới thường xuyên là:

A. Hình thức bảo vệ biên giới cơ bản và phổ biến nhất, được tiến hành trong tình hình hoạt động của địch và đối tượng ở hai bên biên giới, vùng biên ở mức độ cao; tình hình an ninh chính trị, xã hội trong địa bàn có diễn biến đột xuất.

B. Hình thức bảo vệ biên giới cơ bản và phổ biến nhất, được tiến hành trong tình hình hoạt động của địch và đối tượng ở hai bên biên giới, vùng biển ở mức độ mạnh; tình hình an ninh chính trị, xã hội trong địa bàn có diễn biến nguy hiểm.

C. Hình thức bảo vệ biên giới cơ bản và phổ biến nhất, được tiến hành trong tình hình hoạt động của địch và đối tượng ở hai bên biên giới, vùng biển ở mức độ bình thường; tình hình an ninh chính trị, xã hội trong địa bàn không có diễn biến đột xuất.

D. Hình thức bảo vệ biên giới cơ bản và phổ biến nhất, được tiến hành trong tình hình hoạt động của địch và đối tượng ở hai bên biên giới, vùng biển ở mức độ bình thường; tình hình an ninh chính trị, xã hội trong địa bàn có diễn biến đột xuất.

Câu 26: Xây dựng và bảo vệ biên giới tăng cường được áp dụng khi:

A. Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở một hướng (địa phương) hay nhiều hướng (địa phương) diễn ra phức tạp;

B. Có tin tức chính xác, cụ thể về hoạt động vũ trang của đối phương như: Tấn công vũ trang, tung gián điệp, biệt kích, thám báo hoặc các hoạt động vi phạm khác;

C. Trong khu vực biên giới hai bên đang xảy ra bạo loạn vũ trang, đang có thiên tai, dịch bệnh hoặc đang tiến hành diễn tập quân sự, ...

D. Cả A, B, C

Câu 27: Một trong những điều kiện để áp dụng hình thức xây dựng và bảo vệ biên giới khi có chiến tranh xảy ra:

A. Khi có dấu hiệu xác định địch chuẩn bị chiến tranh xâm lược

B. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có diễn biến phức tạp nhưng chưa đến mức nguy hiểm;

C. Khu vực biên giới tình trạng buôn bán giảm, người dân hạn chế các hoạt động và di chuyển khỏi địa phương

D. Khi ta nhận được những khuyến cáo của cộng đồng quốc tế.

Câu 28: Chọn đáp án đúng:

A. Nhà nước xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Và lấy ngày 03 tháng 3 hàng năm là "Ngày toàn dân bảo vệ biên giới".

B. Nhà nước xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Và lấy ngày 03 tháng 3 hàng năm là "Ngày biên giới quốc gia".

C. Nhà nước xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Và lấy ngày 03 tháng 3 hàng năm là "Ngày truyền thống lực lượng biên phòng".

D. Nhà nước xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Và lấy ngày 03 tháng 3 hàng năm là "Ngày biên phòng toàn dân".

Câu 29: Nhà nước CHXHCN Việt Nam chủ trương:

A. Xây dựng Bộ đội biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, tiến thẳng lên hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

B. Xây dựng Bộ đội biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

C. Xây dựng Bộ đội biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, võ thuật.

D. Xây dựng Bộ đội biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, tiếng dân tộc.

BÀI 9:

XÂY DỰNG LL DÂN QUÂN TỰ VỆ

Câu 01: Dân quân tự vệ là:

A. Lực lượng vũ trang quần chúng chuyên biệt, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ.

B. Lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ.

C. Lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là tự vệ, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là dân quân.

D. Lực lượng vũ trang quần chúng thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ.

Câu 02: Dân quân tự vệ có vai trò gì?

A. Là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước trực tiếp ở địa phương.

B. Trong thời bình DQTV là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương.

C. Trong thời chiến DQTV làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao sinh lực địch, kìm chân địch tại địa phương.

D. Tất cả a, b, c đều đúng

Câu 03: Dân quân tự vệ được xác định là lực lượng như thế nào trong nền quốc phòng toàn dân:

A. Dân quân tự vệ là lực lượng cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân

B. Dân quân tự vệ là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân tại địa phương.

C. Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân

D. Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Câu 04: Một trong các yêu cầu trong tổ chức, biên chế của dân quân tự vệ:

A. Thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

B. Xây dựng lực lượng hùng hậu, rộng khắp, vũ khí trang bị hiện đại đủ sức thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

C. Xây dựng tổ chức, biên chế lực lượng dân quân tự vệ thống nhất, áp dụng chung cho các địa phương.

D. Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ với số lượng đông đảo, vũ khí hiện đại ở các vùng biên giới và trong các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 05: Một trong những nội dung không phải là nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng Dân quân tự vệ:

A. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ.

B. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

C. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

D. Đi đầu trong việc phát triển kinh tế địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Câu 06: Một trong những nhiệm vụ theo luật Dân quân tự vệ 2019?

A. Luôn bổ sung cho quân đội để chiến đấu và tải thương.

B. Bổ sung, phối hợp với quân đội chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

C. Trực tiếp bổ sung cho quân chủ lực.

D. Luôn bổ sung cho quân đội để chiến đấu và tải thương ở hỏa tuyến.

Câu 07: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cần chú ý phương châm:

A. Vững mạnh, rộng khắp, toàn diện.

B. Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính.

C. Xây dựng toàn diện sẵn sàng chiến đấu cao.

D. Xây dựng toàn diện, coi trọng chất lượng chính trị là chính

Câu 08: Một trong những nội dung thể hiện sự vững mạnh của lực lượng dân quân tự vệ:

A. Có lực lượng đông, vũ khí đa dạng, trải đều ở nhiều nơi.

B. Có biên chế trang bị hợp lý, thống nhất, có kỷ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt.

C. Chấp hành kỷ luật, biết sử dụng vũ khí, thích ứng nhanh với các điều kiện chiến tranh

D. Thực hiện tốt nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng phát triển kinh tế của địa phương

Câu 09: Dân quân tự vệ được tổ chức thành 2 lực lượng là:

A. Lực lượng cơ động và lực lượng rộng rãi.

- B. Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.
- C. Lực lượng quân sự và lực lượng an ninh nhân dân.
- D. Lực lượng cơ động tại chỗ đánh địch và lực lượng dự bị.

Câu 10: Nội dung giáo dục đối với dân quân tự vệ là gì?

- A. Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với DQTV
- B. Giáo dục chính trị, huấn luyện khoa học công nghệ.
- C. Giáo dục cho mọi người nâng cao tinh thần cảnh giác.
- D. Huấn luyện quân sự đối với DQTV

Câu 11: Độ tuổi của công dân Việt Nam tham gia lực lượng dân quân tự vệ là:

- A. Đủ 18 tuổi đến 42 tuổi cho nam công dân; đủ 18 tuổi đến 35 tuổi cho nữ công dân.
- B. Đủ 18 tuổi đến 42 tuổi cho nam công dân; đủ 18 tuổi đến hết 30 cho nữ công dân.
- C. Đủ 20 tuổi đến 45 tuổi cho nam công dân; đủ 20 tuổi đến hết 35 tuổi cho nữ công dân.
- D. Đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi cho nam công dân; đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi cho nữ công dân.

Câu 12: Nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Dân quân tự vệ là:

- A. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt.
- B. Tuyệt đối về mọi mặt.
- C. Trực tiếp về mọi mặt.
- D. Thông qua Nhà nước và các tổ chức quần chúng.

Câu 13: Lực lượng dự bị động viên là gì?

- A. Bao gồm quân nhân dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.
- B. Bao gồm các phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.
- C. Bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.
- D. Bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để làm nhiệm vụ chiến đấu, phòng chống khắc phục thiên tai tại địa phương.

Câu 14: Một trong những vấn đề thuộc về quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên:

- A. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.
- C. Đặt dưới sự lãnh đạo về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của nhà nước CHXHCN Việt Nam.

D. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 15: Một trong những vấn đề thuộc về quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên:

A. Bảo đảm số lượng đủ, có chất lượng toàn diện, phân bố rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu cao.

B. Bảo đảm toàn diện nhưng có trọng điểm, chủ yếu xây dựng chất lượng.

D. Bảo đảm số lượng đông, chất lượng cao cho những đơn vị sẵn sàng chiến đấu.

C. Bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch được phê duyệt.

Câu 16: Phương châm huấn luyện đối với lực lượng dự bị động viên:

A. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả tập trung vào khoa học quân sự hiện đại.

B. Cơ bản, thống nhất coi trọng khâu kỹ thuật tác chiến, phối hợp giữa các lực lượng.

C. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, sát thực tế chiến đấu tại địa bàn.

D. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm.

Câu 17: Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng như thế nào?

A. Trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.

B. Trực tiếp về mọi mặt.

C. Tuyệt đối về mọi mặt.

D. Toàn diện về mọi mặt.

Câu 18: Xây dựng lực lượng dự bị động viên là:

A. Là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân

B. Nhiệm vụ quan trọng thường xuyên tất cả các cấp các ngành, của toàn xã hội.

C. Nhiệm vụ hệ trọng trong bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân

D. Nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của toàn xã hội và quân đội

Câu 19: Một trong những nội dung xây dựng LLDBĐV là:

A. Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên.

B. Tạo nguồn, biên chế lực lượng dự bị động viên.

C. Đăng ký, tổ chức lực lượng dự bị động viên theo kế hoạch.

D. Tạo nguồn, đăng ký, kiểm tra lực lượng dự bị động viên.

Câu 20: Động viên quốc phòng là:

A. Tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động nguồn lực kinh tế của đất nước hoặc một số địa phương phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

B. Tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước cho nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế.

C. Tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động nhân lực của đất nước hoặc một số địa phương phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

D. Tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Câu 21: Một trong những nguyên tắc động viên quốc phòng:

A. Động viên quốc phòng phải triệt để, tận dụng tối đa các nguồn lực vào nhiệm vụ quốc phòng.

B. Động viên quốc phòng là bắt buộc, các tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu và không được bảo đảm về quyền, lợi ích.

C. Động viên quốc phòng được tiến hành trên cơ sở hiến pháp và pháp luật dựa vào năng lực thực tế của các cá nhân và tổ chức.

D. Động viên quốc phòng chú trọng vào động viên về công nghiệp để bảo đảm tận dụng cơ sở công nghiệp để sản xuất vũ khí, phương tiện chiến tranh.

BÀI 10:

**XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN
BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

Câu 01: Vị trí của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

A. Luôn giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng.

B. Có vị trí không thể thiếu được trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội.

C. Là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

D. Là nền tảng của sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự.

Câu 02: Vai trò của quần chúng trong bảo vệ an ninh Tổ quốc, được thể hiện?

A. Khả năng phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm.

B. Khả năng nắm bắt mọi hoạt động của các đối tượng phạm tội.

C. Khả năng trực tiếp phòng chống, tố giác tấn công tội phạm.

D. Khả năng kiểm tra, kiểm soát các loại tội phạm trong khu vực họ sinh sống.

Câu 03: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Một hình thức hoạt động bắt buộc, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm

B. Một hình thức hoạt động tự giác, tự phát của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm

C. Một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của một bộ phận nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm

D. Một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm

Câu 04: Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

A. Công an, quân đội, sinh viên.

B. Mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội.

C. Công an nhân dân, cảnh sát nhân dân.

D. Lực lượng dân quân ở địa phương.

Câu 05: Giữa các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

- A. Có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, hỗ trợ lẫn nhau
- B. Các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân là nền tảng vững chắc cho phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- C. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các phong trào hành động cách mạng khác.
- D. Cả A, B, C**

Câu 06: Mục đích quan trọng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

- A. Huy động nguồn nhân lực từ trong nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- B. Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.**
- C. Huy động sức mạnh của nhân dân để cảm hóa với các loại tội phạm, đưa họ trở về cuộc sống lương thiện, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- D. Huy động sức mạnh kinh tế của nhân dân để giúp lực lượng công an phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Câu 07: Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

- A. Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp xã hội.
- B. Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng có sự khác nhau ở các địa bàn.
- C. Gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và nhà nước.
- D. Tất cả a, b, c đều đúng.**

Câu 08: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là?

- A. Vận động toàn dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
- B. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.**
- C. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với an ninh ở địa phương, đơn vị.
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với bài trừ tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu.

Câu 09: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

- A. Nắm tình hình xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc.
- B. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- C. Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- D. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.**

Câu 10: Một trong những nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là?

A. Tập trung phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của địa phương để làm cơ sở cho an ninh địa phương và tổ quốc

B. Giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước

C. Xây dựng mở rộng liên kết, phối hợp giữa các địa phương, xã, huyện, tỉnh để thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ trật tự trị an.

D. Trang bị các công cụ chuyên dụng cho nhân dân để nhân dân thuận lợi trong quá trình tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc.

Câu 11: Một trong những phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là?

A. Xây dựng tổ chức đoàn thể, quần chúng tại cơ sở vững mạnh.

B. Xây dựng mở rộng liên kết, phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể.

C. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

D. Nắm tình hình và vận động toàn dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Câu 12: Các loại hình tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự là?

A. Tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn.

B. Tổ chức quần chúng có chức năng quản lý, điều hành.

C. Tổ chức quần chúng có chức năng thực hành.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 13: Phương pháp cơ bản để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng.

B. Thông qua sinh hoạt, hội họp của các tổ chức.

C. Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 14: Nội dung không thuộc trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh- trật tự của Tổ quốc.

B. Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.

C. Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương.

D. Tham gia vào các đợt tuần tra kiểm soát, canh gác của cơ quan công an.

Câu 15: Để nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc cần làm các công việc:

- A. Lựa chọn điển hình tiên tiến.
- B. Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến.
- C. Bồi dưỡng điển hình tiên tiến.
- D. Cả A, B đều đúng.**

Câu 16: Những nội dung Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm

- A. Vận động nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn.
- B. Vận động nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hoá những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư.
- C. Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.**

Câu 17. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: Quần chúng là tất cả người lao động, là lực lượng đông đảo, to lớn, là nền tảng của quốc gia, là gốc rễ của một dân tộc, là:

- A. động lực chính thúc đẩy xã hội phát triển
- B. nhu cầu cần thiết để xã hội phát triển
- C. nguyên nhân sâu xa để xã hội phát triển
- D. cơ sở bảo đảm cho xã hội phát triển**

Câu 18. Điền vào chỗ trống trong quan điểm sau: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quần chúng là đông đảo nhân dân lao động, là lực lượng quý nhất, mạnh nhất. ... là tốt đẹp nhất, vẻ vang nhất

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| A. lãnh đạo nhân dân | B. bảo vệ nhân dân |
| C. phục vụ nhân dân | D. làm việc với nhân dân |

Câu 19. Điền vào chỗ trống trong quan điểm sau: Quan điểm của Đảng ta là: Quần chúng nhân dân mà nòng cốt là...là lực lượng to lớn, là người chủ đất nước, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng

- | | |
|--|----------------------|
| A. giai cấp công nhân | B. tầng lớp trí thức |
| C. liên minh công-nông-trí thức | D. thế hệ trẻ |

Câu 20. Các câu trả lời sau đây, câu nào không đúng?

Hiện nay, Đảng ta xác định lực lượng quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc gồm:

- A. Nhân dân các dân tộc Việt Nam
- B. Những người Việt Nam đang công tác, lao động, học tập hợp pháp ở nước ngoài
- C. Những người nước ngoài đang có mặt ở Việt Nam**
- D. Người nước ngoài có cảm tình với Việt Nam

Câu 21. Điền vào chỗ trống trong quan điểm sau: Theo quan điểm của Đảng, Nhà nước ta: quần chúng nhân dân là... bảo vệ an ninh Tổ quốc?

- A. lực lượng xung kích trong sự nghiệp
- B. nền tảng, là chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp**
- C. động lực thúc đẩy sự nghiệp
- D. mục tiêu, là đòi hỏi đối với sự nghiệp

BÀI 11:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

Câu 01: An ninh quốc gia là gì:

A. Là sự phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

B. Là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

C. Là sự ổn định bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

D. Là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự an toàn của nhân dân, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Câu 02: Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là:

A. Những địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

B. Những đối tượng, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

C. Những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

D. Những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc mang tính chất quan trọng cần được bảo vệ.

Câu 03: Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.

B. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh các hành động gây rối của kẻ thù.

C. Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

D. Bảo vệ các công trình, cơ sở chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế khoa học công nghệ của Nhà nước.

Câu 04: Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A. Bảo vệ cơ sở văn hóa – nghệ thuật.
- B. Bảo vệ cơ sở địa phương.
- C. Bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, nhà máy.
- D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.**

Câu 05: Một trong những nội dung bảo vệ an ninh dân tộc là?

- A. Bảo vệ sự phát triển văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- B. Bảo vệ sự phát triển kinh tế của các dân tộc.
- C. Bảo vệ các công trình văn hóa, bảo vệ nhân dân các dân tộc trước nguy cơ của bọn tội phạm.
- D. Đó là bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật của nhà nước.**

Câu 06: Nội dung nào sau đây được coi là trọng yếu hàng đầu trong bảo vệ an ninh quốc gia?

- A. Bảo vệ an ninh biên giới.
- B. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.**
- C. Bảo vệ an ninh kinh tế.
- D. Bảo vệ an ninh văn hoá - tư tưởng

Câu 07: Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia gồm:

- A. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước XHCN.
- B. Bảo vệ an ninh kinh tế, văn hoá - tư tưởng, dân tộc và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Bảo vệ an ninh kinh tế, tôn giáo, dân tộc và nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; kinh tế; văn hoá, tư tưởng; dân tộc; tôn giáo; biên giới; thông tin.**

Câu 08: Trật tự, an toàn xã hội là gì:

- A. Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn được làm những việc theo nhu cầu và sở thích cá nhân.
- B. Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định.**
- C. Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội.
- D. Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật.

Câu 09: Đấu tranh bảo đảm trật tự an toàn xã hội bao gồm:

- A. Chống tội phạm; giữ gìn trật tự nơi công cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn; bài trừ tệ nạn xã hội, đặc biệt là tiêm chích ma túy.

B. Chống tội phạm; giữ gìn trật tự nơi công cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

C. Chống tội phạm; giữ gìn trật tự nơi công cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

D. Chống tội phạm; giữ gìn trật tự nơi công cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn; bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

Câu 10: Một trong những nội dung bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gì?

A. Quốc phòng

B. Tư tưởng - văn hoá

C. Bài trừ các tệ nạn xã hội.

D. Đối ngoại

Câu 11: Trong công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội, lực lượng nào làm nòng cốt?

A. Công an nhân dân

B. Quân đội nhân dân

C. Quần chúng nhân dân

D. Lực lượng vũ trang

Câu 12: Bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ của:

A. Lực lượng công an nhân dân và các cơ quan có liên quan

B. Lực lượng Quân đội nhân dân và công an nhân dân

C. Lực lượng cảnh sát 113 và cảnh sát hình sự

D. Toàn Đảng, toàn dân, lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt.

Câu 13: Quan điểm của Đảng, nhà nước về đối tác trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:

A. Những quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức phi Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình phát triển.

B. Những nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển giúp đỡ Việt Nam.

C. Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam.

D. Những tổ chức, cá nhân tôn trọng giúp đỡ Việt Nam.

Câu 14: Quan điểm của Đảng, nhà nước về đối tượng trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:

A. Những quốc gia, vùng lãnh thổ có âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền lãnh thổ của tổ quốc.

B. Những thế lực thù địch hải ngoại có âm mưu và hành động lật đổ chính quyền nhân dân, đưa nước ta đi theo mô hình tư bản chủ nghĩa.

C. Những thế lực phản động trong nước có âm mưu cấu kết với nước ngoài để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

D. Bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 15: Cách nhìn biện chứng về đối tác, đối tượng là:

- A. Trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cạnh tranh thủ, hợp tác.
- B. Trong mỗi đối tác có thể có mặt mâu thuẫn với lợi ích của ta cần phải đấu tranh.
- C. Không cứng nhắc, mơ hồ, mất cảnh giác khi xem xét đối tác, đối tượng.
- D. Cả A, B, C.**

Câu 16: Người có hành vi phạm tội đến tài sản, đến tính mạng sức khỏe... thuộc đối tượng nào?

- A. Đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội**
- B. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia
- C. Đối tượng xâm phạm an ninh dân tộc
- D. Tất cả a, b, c đều đúng.

Câu 17: Người có hành vi hoạt động điều tra thu thập thông tin theo chỉ đạo của nước ngoài để chống lại nhà nước Cộng hòa XHCNVN, thuộc đối tượng nào?

- A. Phản động
- B. Gián điệp**
- C. Tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội
- D. Tội phạm hình sự

Câu 18: Những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài gọi là:

- A. Phản động**
- B. Gián điệp
- C. Tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội
- D. Tội phạm hình sự

Câu 19: Tệ nạn xã hội diễn ra ở hầu hết các địa phương trong cả nước, nó có một số đặc điểm sau:

- A. Tệ nạn xã hội mang tính phổ biến.
- B. Tệ nạn xã hội mang tính lây lan rất nhanh, tệ nạn xã hội có quan hệ chặt chẽ với tội phạm.
- C. Tệ nạn xã hội mang tính có tổ chức.
- D. Câu A, B đều đúng.**

Câu 20: “Ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hóa phẩm phản động, đồi trụy...” thuộc nội dung nào trong bảo vệ an ninh quốc gia?

- A. Bảo vệ an ninh dân tộc
- B. Bảo vệ an ninh thông tin
- C. Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng.**
- D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

Câu 21: Trách nhiệm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

- A. Là trách nhiệm của tất cả mọi người khi đi ô tô, xe máy.

- B. Trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông.
- C. Là trách nhiệm của mọi công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam
- D. Là trách nhiệm của Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông

Câu 22: Bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, sinh viên và người lao động Việt Nam ở nước ngoài, thuộc nội dung nào trong bảo vệ an ninh quốc gia?

- A. Bảo vệ an ninh dân tộc
- B. Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng
- C. Bảo vệ an ninh kinh tế
- D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

Câu 23: Trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với những loại đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia nào?

- A. Các tổ chức và cá nhân phản động trong số người Việt Nam ở nước ngoài đang có những hoạt động chống Việt Nam.
- B. Bọn phản động lợi dụng tôn giáo
- C. Bọn phản động lợi dụng dân tộc ít người
- D. Câu A, B, C đều đúng

Câu 24: Cần tập trung vào đấu tranh với các đối tượng đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội nào?

- A. Bọn tội phạm kinh tế
- B. Bọn tội phạm về ma túy
- C. Bọn tội phạm hình sự
- D. Câu A, B, C đều đúng

Câu 25: Nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là:

- A. Sự lãnh đạo Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.
- B. Sự quản lý hiệu quả của Nhà nước
- C. Sự tinh nhuệ, thiện chiến của lực lượng công an nhân dân
- D. Ý thức tự giác cao của nhân dân

Câu 26: Sinh viên cần phải nhận thức đúng vai trò trách nhiệm của mình và tham gia trực tiếp vào việc bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, cụ thể là:

- A. Nhận thức đúng cuộc đấu tranh để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài.
- B. Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- C. Tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học Giáo dục quốc phòng an ninh góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
- D. Câu A, B, C đều đúng.